

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1402 /SGDDĐT-KHTC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2023

Về tổ chức triển khai thực hiện thanh
toán không dùng tiền mặt tại các cơ sở
giáo dục trên địa bàn Thành phố
Hồ Chí Minh năm 2023

P. VỤ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	
Số:.....6.71	Ngày: 29.3.23
Chuyển:.....	
Hồ Sơ.....	

Kính gửi:

- Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo TP. Thủ Đức;
- Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo các quận-huyện;
- Hiệu trưởng các trường Trung học phổ thông công lập;
- Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở GDĐT.

Căn cứ Quyết định số 4579/QĐ-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy định kỹ thuật về dữ liệu trong thanh toán không dùng tiền mặt đối với việc thu học phí và các khoản thu dịch vụ giáo dục;

Căn cứ Kế hoạch số 4124/KH-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về thực hiện chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Kế hoạch số 4066/KH-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về triển khai thực hiện Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án Phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021 – 2025;

Thực hiện kế hoạch số 1273/KH-SGDĐT ngày 04 tháng 5 năm 2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo về triển khai Chương trình chuyển đổi số của Ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 – 2025.

Nhằm tiếp tục khuyến khích, đẩy mạnh triển khai mở rộng việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt đối với việc thu học phí và các khoản thu dịch vụ giáo dục trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đảm bảo pháp lý theo quy định, Sở Giáo dục và Đào tạo lưu ý một số nội dung cụ thể như sau:

1. Triển khai việc thực hiện quy định về dữ liệu trong thanh toán không dùng tiền mặt đối với việc thu học phí và các khoản thu dịch vụ giáo dục theo Quyết định số 4579/QĐ-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Khi triển khai dịch vụ thanh toán giao dịch bằng phương tiện điện tử với các đối tác là ngân hàng, tổ chức trung gian thanh toán, các đơn vị cần lưu ý các điểm sau:

- Hệ thống thanh toán của cơ sở giáo dục thực hiện kết nối với các hệ thống thanh toán được cấp phép theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Việc

kết nối giữa hệ thống thanh toán của cơ sở giáo dục với các đơn vị cung cấp dịch vụ thanh toán/trung gian thanh toán cần phải hướng đến mục tiêu tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho người thực hiện thanh toán, theo hướng có quyền được lựa chọn nhiều đơn vị cung cấp dịch vụ thanh toán, được lựa chọn phương thức thanh toán (như: thanh toán trên thiết bị di động/máy tính, chuyển khoản từ Internet Banking, chuyển khoản qua QR Code, thanh toán từ ví điện tử...).

- Cơ sở giáo dục chọn các đối tác triển khai hệ thống thanh toán đáp ứng điều kiện về kỹ thuật được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 15 Nghị định số 80/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt.

- Cơ sở giáo dục chọn các đối tác triển khai hệ thống thanh toán bảo đảm chấp nhận các thẻ nội địa, thẻ quốc tế (VISA, MasterCard, JCB...) và ví điện tử; đáp ứng được yêu cầu bảo mật và được Ngân hàng Nhà nước chứng nhận, đạt chứng chỉ quốc tế PCI DSS (Payment Card Industry Data Security Standard).

- Hệ thống thanh toán của cơ sở giáo dục phải bảo đảm tuân thủ các quy định, hướng dẫn hiện hành của Nhà nước về trao đổi dữ liệu, về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước. Đặc biệt là các yêu cầu về bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

2. Về tổ chức triển khai thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt

- Nghiêm túc thực hiện việc tạo điều kiện để phụ huynh học sinh không cần phải đến trường để thanh toán học phí và các khoản thu khác, triển khai việc thu học phí và các khoản thu khác bằng phương thức không dùng tiền mặt với nhiều hình thức, bảo đảm việc tổ chức thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Yêu cầu phải đa dạng hóa các kênh thanh toán để phụ huynh học sinh, người học có nhiều sự lựa chọn, thuận tiện trong thanh toán học phí và các khoản thu khác; tạo mọi điều kiện để phụ huynh, học sinh, sinh viên thuận lợi trong việc thanh toán; Không tạo lợi thế cho bất kỳ một ngân hàng hay đơn vị trung gian thanh toán nào để gây khó khăn cho phụ huynh học sinh, người học trong thanh toán học phí, các khoản thu khác.

- Tăng cường quản lý dữ liệu, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, trong đó lưu ý đến việc làm chủ dữ liệu và bảo mật thông tin riêng tư.

- Về quy định các loại phí dịch vụ thanh toán cụ thể như sau: *(Theo ý kiến trao đổi của Ngân hàng nhà nước Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại Công văn số 3524/HCM-TH-KSNB ngày 02 tháng 02 năm 2020).*

- + *Tại điều 17 Nghị định 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt quy định: “Điều 17. Phí dịch vụ “Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán và tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán ấn định và phải niêm yết công khai các mức phí cung ứng dịch vụ”.*

- + *Tại khoản 2, Điều 10, Thông tư 13/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý thu, chi bằng tiền mặt qua hệ thống kho bạc nhà nước*

quy định: “Điều 10. Các khoản phí 2. Các khoản phí liên quan đến sử dụng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt của ngân hàng, đơn vị giao dịch thực hiện chi trả theo thỏa thuận với ngân hàng nơi cung cấp dịch vụ và phù hợp với quy định của pháp luật.”

Để đảm bảo pháp lý, Sở Giáo dục và Đào tạo yêu cầu các đơn vị phải thỏa thuận thống nhất với các cửa ngân hàng và các đơn vị trung gian thanh toán của đơn vị đang thực hiện và công khai về mức phí sử dụng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt để phụ huynh học sinh, người học lựa chọn theo nhu cầu và hướng dẫn cách thức thực hiện trên bảng hướng dẫn của nhà trường, phiếu thông báo các khoản thu hàng tháng... Đồng thời, cung cấp đầy đủ thông tin các ngân hàng, các đơn vị trung gian thanh toán đang tham gia triển khai tốt dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt để phụ huynh học sinh an tâm khi sử dụng.

3. Tổ chức đánh giá việc thực hiện dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt

Nhằm có cơ sở tổ chức đánh giá hiệu quả việc thực hiện dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt đối với việc thu học phí và các khoản thu dịch vụ giáo dục trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh để báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị các đơn vị báo cáo tình hình thực hiện, đánh giá mặt thuận lợi, khó khăn và đề xuất giải pháp theo đề cương và biểu mẫu đính kèm.

Báo cáo bằng văn bản gửi về Phòng Kế hoạch – Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo (Cô Lê Thị Khánh Linh, điện thoại liên hệ: 028.38.298607) **trước ngày 10 tháng 4 năm 2023**, đồng thời gửi tập tin (file mềm) theo địa chỉ email: **ltklinh.sgddt@tphcm.gov.vn** (tiêu đề email đặt theo cú pháp: **TTKDTM_Tên Đơn vị**).

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị Phòng Giáo dục và Đào tạo Thành phố Thủ Đức và các quận – huyện, thủ trưởng các đơn vị quan tâm thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, khó khăn, các đơn vị phản hồi về Phòng Kế hoạch Tài chính - Sở Giáo dục và Đào tạo để được hướng dẫn cụ thể. /.

Nơi nhận :

- Như trên;
- UBND TP (để b/c);
- Giám đốc (để b/c);
- UBND quận, huyện, TP.Thủ Đức (để phối hợp thực hiện);
- Lưu: VT, KHTC (H).

(Đính kèm QĐ số 4597/QĐ-BGDĐT)



Lê Hoài Nam

Số: 4597 /QĐ-BGDĐT

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định kỹ thuật về dữ liệu trong thanh toán
không dùng tiền mặt đối với việc thu học phí và các khoản thu
dịch vụ giáo dục**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 86/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đẩy mạnh thanh toán qua ngân hàng đối với các dịch vụ công: thuế, điện, nước, học phí, viện phí và chi trả các chương trình an sinh xã hội;

Căn cứ Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 46/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định kỹ thuật về dữ liệu trong thanh toán không dùng tiền mặt đối với việc thu học phí và các khoản thu dịch vụ giáo dục.

Điều 2. Quy định kỹ thuật này bao gồm các quy định về dữ liệu áp dụng thống nhất cho hệ thống thông tin quản lý của các cơ sở giáo dục, đảm bảo kết nối, chia sẻ thông tin với các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, trung gian thanh toán để phục vụ thanh toán không dùng tiền mặt.

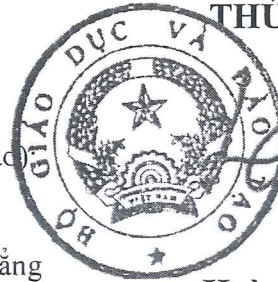
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc các sở giáo dục và đào tạo, Thủ trưởng các cơ sở giáo dục và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

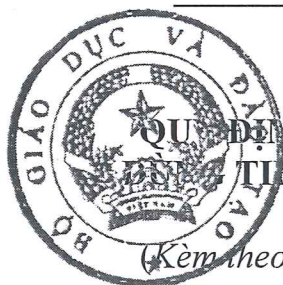
Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Bộ trưởng Nguyễn Kim Sơn (để báo cáo);
- Các Thủ trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Các sở GDĐT;
- Các CSGD đại học, dự bị đại học, cao đẳng sư phạm và cao đẳng có đào tạo ngành GDMN;
- Công TTĐT Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Cục CNTT (10b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Hoàng Minh Sơn



**QUY ĐỊNH KỸ THUẬT VỀ DỮ LIỆU TRONG THANH TOÁN KHÔNG
DÙNG TIỀN MẶT ĐỐI VỚI VIỆC THU HỌC PHÍ VÀ CÁC KHOẢN THU
DỊCH VỤ GIÁO DỤC**

*(Kèm theo Quyết định số 4597 /QĐ-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Đối tượng, phạm vi áp dụng

a) Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với:

- Các cơ sở giáo dục (CSGD) bao gồm: CSGD mầm non, CSGD phổ thông, CSGD thường xuyên, CSGD đại học, trường cao đẳng sư phạm và trường cao đẳng có đào tạo ngành Giáo dục Mầm non (sau đây gọi chung là trường cao đẳng sư phạm);
- Các tổ chức, cá nhân có liên quan.

b) Phạm vi áp dụng

Văn bản này quy định kỹ thuật trong việc triển khai dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt đối với việc thu học phí và các khoản thu dịch vụ giáo dục, bao gồm:

- Quy định cấu trúc thông tin tối thiểu của giao dịch thanh toán cần lưu trữ khi triển khai thanh toán không dùng tiền mặt đối với việc thu học phí và các khoản thu dịch vụ giáo dục;
- Quy định về định dạng cấu trúc và thành phần dữ liệu QR Code trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;
- Yêu cầu về kết nối giữa hệ thống thanh toán của CSGD với hệ thống của tổ chức cung ứng dịch vụ.

2. Tài liệu viện dẫn

Quyết định số 1928/QĐ-NHNN ngày 05/10/2018 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước về việc công bố tiêu chuẩn cơ sở TCCS 03:2018/NHNNVN Đặc tả kỹ thuật QR Code hiển thị từ phía Đơn vị chấp nhận thanh toán tại Việt Nam.

3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

- a) Đơn vị chấp nhận thanh toán (ĐVCNTT) là cơ sở giáo dục chấp nhận thanh toán thông qua một hoặc một số dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt theo hợp đồng, thỏa thuận đã ký kết với tổ chức cung ứng dịch vụ.

b) Tổ chức cung ứng dịch vụ (TCCUDV) bao gồm tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, doanh nghiệp tham gia thí điểm cung ứng dịch vụ Mobile Money.

c) Dịch vụ thanh toán giao dịch bằng phương tiện điện tử là việc lập, gửi, xử lý lệnh thanh toán thông qua phương tiện điện tử.

d) Hệ thống thanh toán của CSGD: Là hệ thống thông tin của CSGD tiếp nhận yêu cầu thanh toán của người sử dụng dịch vụ (học sinh, sinh viên, phụ huynh).

đ) Quick Response Code (QR Code) là mã phản hồi nhanh do ĐVCNTT hiển thị để thực hiện giao dịch thanh toán dựa trên thỏa thuận, hợp đồng ký kết với tổ chức cung ứng dịch vụ và tuân thủ tiêu chuẩn về đặc tả định dạng, cấu trúc và thành phần dữ liệu được quy định trong Quy định này.

e) Định dạng của trường dữ liệu sử dụng trong tài liệu được quy ước như sau:

- Kiểu chữ số (sau đây viết tắt là N) là định dạng bao gồm 10 ký tự số từ “0” đến “9”.

- Kiểu ký tự chữ số đặc biệt (sau đây viết tắt là ANS) là định dạng được quy định bởi Tiêu chuẩn EMV Book 4 bao gồm 96 ký tự, trong đó có các ký tự chữ, ký tự số và dấu chấm (.).

- Kiểu chuỗi (sau đây viết tắt là S) là các chuỗi ký tự dạng dựng sẵn được quy định bởi tiêu chuẩn Unicode.

- Kiểu thời gian (sau đây viết tắt là DT).

4. Danh mục thuật ngữ/từ viết tắt

Thuật ngữ/ Từ viết tắt	Viết đầy đủ
CSGD	Cơ sở giáo dục
TCCUDV	Tổ chức cung ứng dịch vụ
NHNN	Ngân hàng Nhà nước
HTTT	Hệ thống thông tin
TTKDTM	Thanh toán không dùng tiền mặt
CCCD	Căn cước công dân
CMND	Chứng minh nhân dân
ĐDCN	Định danh cá nhân
ĐVCNTT	Đơn vị chấp nhận thanh toán
VND	Việt Nam đồng

II. CHUẨN THÔNG TIN GIAO DỊCH THANH TOÁN KHÔNG DÙNG TIỀN MẶT

Khi triển khai TTKDTM đối với việc thu học phí và các khoản thu dịch vụ giáo dục, CSGD cần bảo đảm lưu trữ các thông tin tối thiểu của giao dịch thanh toán như sau:

STT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Độ dài	Trách nhiệm cung cấp	Mô tả
1	MaThamChieu	S	Tối đa 50 ký tự	CSGD	Giá trị theo quy định của CSGD hoặc TCCUDV để xác định giao dịch (duy nhất với mỗi giao dịch thanh toán).
2	MaDVCNTT	S	Tối đa 25 ký tự	CSGD	Mã định danh của ĐVCNTT (CSGD), lấy theo mã định danh được cơ quan có thẩm quyền cấp (thực hiện theo Quyết định số 20/2020/QĐ-TTg ngày 22/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ).
3	TaiKhoanThuHuong	S	Tối đa 25 ký tự	CSGD	Số tài khoản thanh toán/ví điện tử/tài khoản Mobile Money của CSGD được mở tại TCCUDV.
4	MaNganHangThuHuong	S	Tối đa 25 ký tự	CSGD	Mã định danh của ngân hàng thụ hưởng, lấy theo mã định danh được cơ quan có thẩm quyền cấp (thực hiện theo Quyết định số 20/2020/QĐ-TTg ngày 22/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ).
5	TenTaiKhoanThuHuong	S	Tối đa 255 ký tự	CSGD	Tên tài khoản thanh toán/ví điện tử/tài khoản Mobile Money của CSGD được mở tại TCCUDV.
6	ThoiGianGiaoDich	DT		CSGD	Thời gian thực hiện giao dịch được ghi nhận trên hệ thống thanh toán của

					CSGD, định dạng hiển thị yyyyMMddHHmmss.
7	PhuongThucThanhToan	S	Tối đa 100 ký tự	TCCƯDV	Phương thức TTKDTM: (i) Kênh thanh toán: Qua Website/App Mobile/QR Code/POS/ATM. (ii) Phương tiện thanh toán: Tài khoản thanh toán/thẻ ngân hàng/Ví điện tử/tài khoản Mobile Money.
8	MaKhachHang	S	Tối đa 25 ký tự	CSGD	Có thể là số hiệu hoặc số ĐDCN/CMND/CCCD của người học.
9	HoTenKhachHang	S	Tối đa 50 ký tự	CSGD	Họ tên đầy đủ của người học.
10	DonViHocTap	S	Tối đa 255 ký tự	CSGD	Đơn vị học tập của người học: (i) Đối với bậc đại học, sau đại học: Khoa/Viện - Khóa - Tên lớp (nếu có). (ii) Đối với bậc học khác: Tên lớp.
11	NamHoc	S	09 ký tự	CSGD	Năm học
12	HocKy	S	01 ký tự	CSGD	Học kỳ
13	MaBienLai	S	Tối đa 25 ký tự	CSGD	Số hóa đơn/biên lai do CSGD sinh ra (nếu có).
14	NoiDungThanhToan	S	Tối đa 255 ký tự	CSGD	Lý do/Nội dung thanh toán.
15	DanhSachKhoanNop			CSGD	Danh sách các khoản nộp (mô tả tại mục Thông tin chi tiết DanhSachKhoanNop dưới đây).
16	MaDonViThanhToan	S	Tối đa 25 ký tự	TCCƯDV	Định danh TCCƯDV.

17	MaGiaoDich	S	Tối đa 50 ký tự	TCCƯDV	Mã định danh cho giao dịch và là duy nhất trên hệ thống thanh toán của TCCƯDV sinh ra.
18	NganHangThanhToan	S	Tối đa 255 ký tự	TCCƯDV	Tên của ngân hàng mở tài khoản/thẻ ngân hàng của khách hàng hoặc ngân hàng của TCCƯDV trung gian thanh toán/doanh nghiệp tham gia thí điểm cung ứng dịch vụ Mobile Money mà khách hàng đã sử dụng để thanh toán giao dịch.
19	MaTienTe	S	Tối đa 10 ký tự	CSGD	Đơn vị tiền tệ, mặc định là VND.
20	SoTienGiaoDich	N	Tối đa 20 chữ số	CSGD	Số tiền giao dịch mà khách hàng cần thanh toán.
21	SoTienThucTru	N	Tối đa 20 chữ số	TCCƯDV	Số tiền ghi nợ khách hàng thực tế (áp dụng khi sử dụng chương trình khuyến mại).
22	PhiGiaoDich	N	Tối đa 20 chữ số	TCCƯDV	Phí giao dịch (nếu có).
23	BienLaiThanhToan	File		TCCƯDV hoặc CSGD	File hóa đơn/biên lai điện tử trong trường hợp thanh toán trực tuyến (có ký số): - Trường hợp nộp ngân sách nhà nước qua dịch vụ thanh toán điện tử của ngân hàng hoặc TCCƯDV trung gian thanh toán, biên lai thu do ngân hàng/TCCƯDV trung gian thanh toán phát hành (theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 4 Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước).

					- Trường hợp các khoản thu do TCCUĐV thu hộ thì hóa đơn/biên lai điện tử được CSGD phát hành (thông qua sử dụng dịch vụ hóa đơn điện tử của bên thứ ba).
<i>Và các thông tin khác tùy theo nhu cầu cụ thể của CSGD và TCCUĐV</i>					

Thông tin chi tiết **DanhSachKhoanNop**: Mỗi khoản nộp bao gồm các thông tin sau:

STT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Độ dài	Mô tả
1	MaKhoanNop	S	Tối đa 50 ký tự	Mã khoản nộp (nếu có, ví dụ để xử lý gạch nợ/ghi nhận giao dịch trên HTTT quản lý của CSGD).
2	NoiDungKhoanNop	S	Tối đa 2000 ký tự	Nội dung khoản nộp.
3	SoTien	N	Tối đa 20 chữ số	Số tiền phải nộp.
<i>Và các thông tin khác tùy theo nhu cầu cụ thể của CSGD và TCCUĐV.</i>				

Đối các thông tin thuộc trách nhiệm cung cấp bởi CSGD nêu trên, CSGD cần đảm bảo sẵn sàng kết nối, chia sẻ thông tin với các TCCUĐV thanh toán, TCCUĐV trung gian thanh toán để phục vụ TTKDTM.

III. CẤU TRÚC THÔNG TIN QR CODE THANH TOÁN ÁP DỤNG TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO

1. Nguyên tắc

a) Định dạng cấu trúc thông tin QR Code dùng thanh toán trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo được tuân thủ và xây dựng dựa trên Quyết định về việc công bố Tiêu Chuẩn cơ sở TCCS 3:2018/NHNNVN Đặc tả kỹ thuật QR Code hiển thị từ phía ĐVCNTT tại Việt Nam được Ngân hàng Nhà nước ban hành theo Quyết định số 1928/QĐ-NHNN ngày 05/10/2018.

b) Dữ liệu trong QR Code được cấu tạo như sau: Mỗi đối tượng dữ liệu được tạo thành bởi ba trường riêng biệt, bao gồm: (1) trường định danh đối tượng dữ liệu (ID) tham chiếu đối tượng dữ liệu; (2) trường độ dài chỉ rõ số lượng ký tự trong trường giá trị; (3) trường giá trị. Các trường được mã hóa như sau:

- Trường ID được mã hóa thành một giá trị gồm 02 chữ số, từ “00” đến “99”.
- Trường độ dài được mã hóa thành một giá trị gồm 02 chữ số, từ “01” đến “99”.
- Trường giá trị có độ dài tối thiểu là 01 ký tự, tối đa là 99 ký tự.

2. Những thông tin được quy định riêng với QR Code áp dụng trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo

a) Thông tin định danh đơn vị chấp nhận thanh toán (ID 26):

Theo mục 4.2.3.2 Quyết định số 1928/QĐ-NHNN, với QR Code trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo sẽ được quy định như sau:

- Định dạng: Chuỗi ký tự.
- Độ dài: Tối đa 99 ký tự.
- Ý nghĩa: Cung cấp các thông tin định danh tổ chức cung ứng dịch vụ và thông tin định danh của ĐVCNTT.
- Yêu cầu hiển thị: Bắt buộc phải có và chứa các thông tin như sau:

Ý nghĩa	ID	Định dạng	Độ dài	Hiển thị	Mô tả
Định danh duy nhất toàn cầu - GUID	"00"	ANS	Tối đa 32 ký tự	Bắt buộc	Định danh TCCUĐV.
Định danh ĐVCNTT	"01"	S	Tối đa 25 ký tự	Bắt buộc	Mã định danh của CSGD, lấy theo mã định danh được cơ quan có thẩm quyền cấp (thực hiện theo Quyết định số 20/2020/QĐ-TTg ngày 22/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ).

b) Mã danh mục ngành (ID 52):

Theo mục 4.2.4 Quyết định số 1928/QĐ-NHNN, với QR Code trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo sẽ được quy định như sau:

- Định dạng: Ký tự số.
- Độ dài: 4 ký tự.
- Ý nghĩa: Tuân theo tiêu chuẩn ISO 18245 và được ấn định bởi tổ chức cung ứng dịch vụ.
- Yêu cầu hiển thị: Bắt buộc phải có.
- Giá trị:
 - + Đối với CSGD bậc mầm non đến trung học phổ thông: 8211;
 - + Đối với trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp: 8220;
 - + Đối với CSGD thuộc loại hình Trung tâm giáo dục thường xuyên hoặc Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên: 8241;
 - + Đối với các trường học và đơn vị cung cấp dịch vụ giáo dục khác: 8299.

c) Thông tin bổ sung (ID 62):

Theo mục 4.2.14 Quyết định số 1928/QĐ-NHNN, với QR Code trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo sẽ được quy định như sau:

- Định dạng: Chuỗi ký tự.
- Độ dài: Tối đa 99 ký tự.
- Ý nghĩa: Cung cấp các dữ liệu bổ sung hỗ trợ trong các trường hợp khác nhau và bao gồm ít nhất một đối tượng dữ liệu.
- Yêu cầu hiển thị: Bắt buộc phải có và chứa các thông tin như sau:

Ý nghĩa	ID	Định dạng	Độ dài	Hiển thị	Mô tả
Số hóa đơn/biên lai	“01”	S	Tối đa 25 ký tự	Tùy biến	- Có bắt buộc: Nếu CSGD có kết nối, tích hợp HTTT quản lý và số hóa đơn/biên lai được cung cấp bởi CSGD (ví dụ để gạch nợ/ghi nhận giao dịch tự động). - Không bắt buộc: Nếu CSGD không có kết nối, tích hợp HTTT quản lý.
Mã tham chiếu	“05”	ANS	Tối đa 25 ký tự	Không bắt buộc	Giá trị theo quy định của CSGD/TCCUDV để xác định giao dịch.
Mã khách hàng	“06”	ANS	Tối đa 25 ký tự	Không bắt buộc	Có thể là số hiệu người học (nếu có) hoặc số ĐDCN/CMND/CCCD của người học.
Mục đích giao dịch	“08”	ANS	Tối đa 50 ký tự	Bắt buộc	Xác định lý do/nội dung thanh toán, ví dụ: Nộp học phí.
Yêu cầu dữ liệu KH bổ sung	“09”	ANS	Tối đa 03 ký tự	Không bắt buộc	Một hoặc nhiều ký tự sau đây có thể xuất hiện, cho biết dữ liệu tương ứng cần được cung cấp trong quá trình khởi tạo giao dịch: • “A” = Địa chỉ khách hàng. • “M” = Số điện thoại

Ý nghĩa	ID	Định dạng	Độ dài	Hiển thị	Mô tả
					khách hàng. • “E” = Địa chỉ email của khách hàng.

3. Mô tả thông tin QR Code áp dụng trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo căn cứ theo TCCS TCVN 03:2018

STT	Tên trường	ID	Mô tả		Định dạng	Độ dài	Hiển thị	Ghi chú
1	Phiên bản đặc tả QR Code	“00”			N	02 ký tự	Bắt buộc	
2	Phương thức khởi tạo	“01”			N	02 ký tự	Không bắt buộc	- Giá trị “11” = QR tĩnh (áp dụng khi mã QR cho phép thực hiện nhiều lần giao dịch). - Giá trị “12” = QR động (áp dụng khi mã QR chỉ cho phép thực hiện một lần giao dịch).
3	Thông tin định danh ĐVCNTT	“26”	Tên trường (sub)	ID (sub)	S	Tối đa 99 ký tự	Bắt buộc	
			Định danh TCCUDV	“00”	ANS	Tối đa 32 ký tự	Bắt buộc	
			Định danh ĐVCNTT	“01”	S		Bắt buộc	
4	Mã danh mục ngành	“52”			N	04 ký tự	Bắt buộc	
5	Mã tiền tệ	“53”			N	03 ký tự	Bắt buộc	VND được thể hiện bằng giá trị “704”.
6	Số tiền giao dịch	“54”			S	Tối đa 13 ký tự	Tùy biến	- Bắt buộc: Nếu là mã QR động.

STT	Tên trường	ID	Mô tả		Định dạng	Độ dài	Hiển thị	Ghi chú
								- Không bắt buộc: Nếu là mã QR tĩnh.
7	Mã quốc gia	“58”			S	02 ký tự	Bắt buộc	Mã quốc gia được quy định theo [ISO 3166-1 alpha 2]. Mã quốc gia của Việt Nam là “VN”.
8	Tên ĐVCNTT	“59”			ANS	Tối đa 25 ký tự	Bắt buộc	Tên CSGD. Có thể dùng tên viết tắt hay tên thương hiệu của CSGD để khách hàng nhận diện được.
9	Thành phố	“60”			ANS	Tối đa 15 ký tự	Bắt buộc	Tên thành phố nơi CSGD hoạt động.
10	Mã bưu điện	“61”			ANS	Tối đa 10 ký tự	Không bắt buộc	Mã số bưu điện nơi CSGD hoạt động.
11	Thông tin bổ sung	“62”	Tên trường (sub)	ID (sub)	ANS	Tối đa 99 ký tự		
			Số hóa đơn/biên lai	“01”	ANS	Tối đa 25 ký tự	Tùy biến	
			Mã tham chiếu	“05”	ANS	Tối đa 25 ký tự	Không bắt buộc	
			Mã khách hàng	“06”	ANS	Tối đa 25 ký tự	Không bắt buộc	
			Mục đích giao dịch	“08”	ANS	Tối đa 50 ký tự	Bắt buộc	Lý do/nội dung thanh toán.
			Yêu cầu dữ liệu KH bổ sung	“09”	ANS	Tối đa 3 ký tự	Không bắt buộc	

STT	Tên trường	ID	Mô tả		Định dạng	Độ dài	Hiển thị	Ghi chú
12	Mã kiểm chứng dữ liệu CRC (Checksum)	“63”			ANS	Tối đa 4 ký tự	Bắt buộc	
13	Ngôn ngữ thay thế	“64”	Tên trường (sub)	ID (sub)	ANS	Tối đa 99 ký tự	Không bắt buộc	
			Ngôn ngữ thay thế	“00”	ANS	02 ký tự	Bắt buộc	
			Tên cơ sở giáo dục dưới dạng ngôn ngữ thay thế	“01”	S	Tối đa 25 ký tự	Bắt buộc	
			Thành phố dưới dạng ngôn ngữ thay thế	“02”	S	Tối đa 15 ký tự	Không bắt buộc	

IV. YÊU CẦU VỀ KẾT NỐI GIỮA HỆ THỐNG THANH TOÁN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC VỚI NGÂN HÀNG, CÁC TỔ CHỨC TRUNG GIAN THANH TOÁN

- Khi triển khai dịch vụ thanh toán giao dịch bằng phương tiện điện tử với các đối tác là ngân hàng, tổ chức trung gian thanh toán, CSGD và đối tác cần tuân thủ các quy định tại Điều 5 và các quy định liên quan khác tại Thông tư số 46/2014/TT-NHNN ngày 31/12/2014 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về dịch vụ TTKDTM, đồng thời đáp ứng các yêu cầu sau:

+ Hệ thống thanh toán của CSGD thực hiện kết nối với các hệ thống thanh toán được cấp phép theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Việc kết nối giữa hệ thống thanh toán của CSGD với các đơn vị cung cấp dịch vụ thanh toán/trung gian thanh toán cần phải hướng đến mục tiêu tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho người thực hiện thanh toán, theo hướng có quyền được lựa chọn nhiều đơn vị cung cấp dịch vụ thanh toán, được lựa chọn phương thức thanh toán (như: thanh toán trên thiết bị di động/máy tính, chuyển khoản từ Internet Banking, chuyển khoản qua QR Code, thanh toán từ ví điện tử...).

+ CSGD chọn các đối tác triển khai hệ thống thanh toán đáp ứng điều kiện về kỹ thuật được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 15 Nghị định số 80/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định

số 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt.

+ CSGD chọn các đối tác triển khai hệ thống thanh toán bảo đảm chấp nhận các thẻ nội địa, thẻ quốc tế (VISA, MasterCard, JCB...) và ví điện tử; đáp ứng được yêu cầu bảo mật và được Ngân hàng Nhà nước chứng nhận, đạt chứng chỉ quốc tế PCI DSS (Payment Card Industry Data Security Standard).

- Đối với các đối tác là doanh nghiệp tham gia thí điểm cung ứng dịch vụ Mobile Money cần đáp ứng các yêu cầu được quy định tại Quyết định số 316/QĐ-TTg ngày 09/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt triển khai thí điểm dùng tài khoản viễn thông thanh toán cho các hàng hóa, dịch vụ có giá trị nhỏ (Mobile Money).

- Hệ thống thanh toán của CSGD phải tuân thủ các chuẩn kết nối và yêu cầu kỹ thuật cụ thể của các TCCUDV (khuyến nghị sử dụng giao thức RESTful và cấu trúc gói tin dưới định dạng JSON). Đồng thời, bảo đảm tuân thủ các quy định, hướng dẫn hiện hành của Nhà nước về trao đổi dữ liệu, về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước. Đặc biệt là các yêu cầu về bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân.